

Bản án số: 36/2025/HS-ST

Ngày 30-9-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Hồng
- Bà Trần Thị Bạch Đằng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2025/TLST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 9 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trịnh Đình T, sinh ngày: 14-01-2006; nơi sinh: thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường N, thành phố Cần Thơ); nơi cư trú: ấp V (nay là Khu V), phường N, thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Minh A và bà Trương Thị Ngọc N; vợ, con: chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tốt.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 14-8-2025 (Bị cáo có mặt).

- **Bị hại:** Ông Lê Hoài P, sinh năm 1972; nơi cư trú: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- **Người làm chứng:**

1/ Ông Đặng Chí T1, sinh năm 1982; nơi cư trú: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

2/ Ông Võ Văn V, sinh năm 1969; nơi cư trú: Khu vực V, phường N, thành phố Cần Thơ (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 02/01/2025, Trịnh Đình T đến nhà ông Võ Văn V tại ấp V, xã V, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Khu V, phường N, Thành phố Cần Thơ) để uống rượu cùng với ông V. Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, ông Lê Hoài P có đến uống rượu cùng với T và ông V. Trong lúc uống rượu, ông P có lấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18 mở nhạc để trên nền gạch tại chỗ uống rượu, cả ba người uống rượu đến khoảng 01 giờ 00 phút sáng ngày 03/01/2025 thì ông P nằm ngủ tại chỗ uống rượu, còn T với ông V tiếp tục uống rượu cùng nhau thêm khoảng 01 giờ nữa thì ông V lên võng nằm ngủ. Lúc này, điện thoại di động hiệu OPPO A18 của ông P vẫn còn mở nhạc để trên nền gạch gần chỗ ông P nằm ngủ. Do thấy ông P và ông V ngủ say, điện thoại của ông P không có ai trông giữ nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của ông P để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Với ý định đó, T lấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18 của ông P cất giấu dưới gối của T nằm ngủ tại nền gạch nhà ông V. Đến khoảng 05 giờ 00 phút sáng ngày 03/01/2025, ông P thức dậy không thấy điện thoại nên tìm kiếm nhưng không gặp. Khi thấy ông P tìm kiếm điện thoại, T lấy điện thoại cất giấu trong chỗ để quần áo tại buồng nhà ông V, cùng lúc này ông Đặng Chí T1 là hàng xóm của ông V đi đến thấy ông P tìm điện thoại nên có dùng điện thoại cá nhân gọi vào số điện thoại của ông P để tìm giúp nhưng không được. Do không tìm thấy điện thoại nên ông P đi về nhà còn T, V và T1 tiếp tục uống rượu. Trong lúc uống rượu, T có đặt vấn đề bán điện thoại cho ông T1 với số tiền 1.000.000 đồng và ông T1 đồng ý, nhưng khi uống rượu xong ra về thì T đổi ý không bán điện thoại cho ông T1 nữa và lấy điện thoại đã lấy của ông P mang về nhà cất giấu. Do tìm không gặp điện thoại nên ông P trình báo vụ việc đến Công an. Sau khi tiếp nhận, Công an triệu tập Trịnh Đình T làm việc thì T đã thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18 của ông P và tự nguyện giao nộp lại điện thoại cho Công an tạm giữ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 12/KL-HĐĐG ngày 20/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã N, kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A18, màu xanh - đen, tại thời điểm định giá có giá trị là 2.216.000 đồng (Hai triệu, hai trăm mười sáu nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Ông Lê Hoài P đã nhận lại tài sản và có đơn không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSKV7 ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ truy tố bị cáo Trịnh Đình T về “Tội Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ giữ nguyên Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Trịnh Đình T phạm “Tội Trộm cắp tài sản”, đồng thời áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tuyên phạt bị cáo Trịnh Đình T tù 03 tháng tù đến 05 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự trong quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản không có yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét; về án phí bị cáo T là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Trong phần nói lời sau cùng trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo Trịnh Đình T xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thụ tụng tố tụng: Tại phiên tòa bị hại Lê Hoài P và những người làm chứng ông Đặng Chí T1, ông Võ Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Trong quá trình điều tra, những người này đã có lời khai và bị hại P đã có ý kiến không yêu cầu bồi thường nên việc vắng mặt của bị hại và những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị hại và người làm chứng như đã công bố.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và các đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cũng như các chứng cứ được thu thập trong quá trình điều tra, truy tố. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện bảo đảm tuân thủ đúng theo quy định pháp luật về tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án, trong quá trình tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Đình T đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm của bị cáo. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng trong quá trình điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo nên có cơ sở xác định: Vào khoảng 01 giờ 00 phút sáng ngày 03/01/2025, bị cáo T lợi dụng bị hại P và ông V là những người uống rượu chung đã say rượu đi ngủ để chiếm đoạt điện thoại di động hiệu OPPO A18 của ông P có giá trị 2.216.000 đồng khi không có ai trông giữ. Như vậy, hành vi của bị cáo Trịnh Đình T đã đủ yếu tố cấu thành “Tội Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Từ đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ

truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt là có căn cứ, đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Xét hành vi của bị cáo Trịnh Đình T đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo là người có đủ năng lực để nhận thức hành vi lấy trộm tài sản của người khác là hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Nhưng chỉ vì không có tiền tiêu xài cá nhân mà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Mặt dù, tài sản bị cáo lấy trộm của bị hại đã được giao nộp hoàn trả cho bị hại nhưng hành vi của bị cáo đã để lại hậu quả xấu trong xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải xem xét áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và tương ứng với hành vi phạm tội của bị cáo để nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong vụ án này bị cáo Trịnh Đình T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngược lại, trong quá trình điều tra, truy tố và tranh tụng tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội và luôn tỏ thái độ ăn năn hối cải; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; bị cáo mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản mà bị cáo lấy trộm đã được giao nộp hoàn trả cho bị hại nên chưa gây thiệt hại về vật chất cho bị hại. Ngoài ra, bị cáo còn là người không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt: Như đã nhận định hành vi của bị cáo là nguy hiểm đã để lại hậu quả xấu trong xã hội, nhưng trong quá trình điều tra bị cáo Trịnh Đình T không chấp hành tốt các giấy mời của cơ quan tiến hành tố tụng dẫn đến phải áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam đối với bị cáo. Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc là tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục và răn đe đối với bị cáo, đồng thời có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, đối với bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nhận định tại Đoạn [5] nêu trên và tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để tuyên phạt bị cáo mức hình phạt từ 03 tháng tù đến 05 tháng tù là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự, trong quá trình điều tra, truy tố bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí, bị cáo Trịnh Đình T là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 23 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ đề nghị về tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự và án phí là có căn cứ như đã nhận định tại các đoạn nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, điểm i, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 và khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bị cáo Trịnh Đình T phạm “Tội Trộm cắp tài sản”.
2. Xử phạt bị cáo Trịnh Đình T 04 (Bốn) tháng tù. Thời gian chấp hành hành phạt tù tính từ ngày 14-8-2025.
3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.
4. Về án phí: Buộc bị cáo Trịnh Đình T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND Khu vực 7 – Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Cần Thơ;
- CQTHAHS-Công an thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Minh Luân